

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 3

MÔN: TIẾNG ANH 5 ILEARN SMART START



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Choose the word whose stress parten is different from the rest.

1.

A. Geography /dʒi'ɒgrəfi/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

B. learning /'lɜ:nɪŋ/: trọng âm rơi vào âm thứ nhất

C. Ethics /'eθɪks/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

=> **Chọn A**

2.

A. teacher /'ti:tʃə/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

B. second /'sekənd/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

C. seventeen /,sevən'ti:n/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba

=> **Chọn C**

3.

A. twenty /'twenti/: trọng âm rơi vào âm thứ nhất

B. delicious /di'liʃəs/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

C. beautiful /'bju:tɪfəl/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

=> **Chọn B****II. Listen and choose the correct answer.**

1. Which subject does Alice like?

*(Alice thích môn học nào?)*A. Vietnamese *(tiếng Việt)*B. science *(khoa học)*C. I.T. *(tin học)*=> **Chọn B**

2. What does Tom do in P.E. class?

(Tom làm gì trong lớp thể dục?)

- A. Play badminton (*Chơi cầu lông*)
- B. Play football (*Chơi bóng đá*)
- C. Play basketball (*Chơi bóng rổ*)

=> **Chọn C**

3. What's Kim's favorite holiday?
(*Ngày lễ yêu thích của Kim là gì?*)

- A. Halloween (*Lễ hội hoá trang*)
- B. Christmas (*Lễ Giáng sinh*)
- C. Teachers' Day (*Ngày Nhà giáo*)

=> **Chọn B**

4. When is Mai's favorite holiday?
(*Ngày lễ yêu thích của Mai là khi nào?*)

- A. December 25th (*ngày 25 tháng 12*)
- B. November 20th (*ngày 20 tháng 11*)
- C. June 1st (*ngày 1 tháng 6*)

=> **Chọn B**

Bài nghe:

1. Which subject does Alice like?

Hi Alice. Which subject do you like?

I like science. It's very interesting.

Oh, I like science too. I often do experiments in science class.

Me too. I love doing experiments.

2. What does Tom do in P.E. class?

Hi Tom. We are talking about our favorite subjects.

Hi Sue. That sounds interesting.

Which subject do you like?

I like P.E.

Oh, what do you do in P.E. class, Tom?

We often play basketball. We never play badminton in P.E. class.

3. What's Kim's favorite holiday?

Today is Halloween Day. Do you like it, Kim?

Oh, no, Nick. I don't like Halloween day.

What's your favorite holiday?

It's Christmas because I get lots of presents on that day.

4. When is Mai's favorite holiday?

Hi, Mai. What's your favorite holiday?

Oh, it's Teacher's Day. We often give presents to our teachers on that day.

When's Teacher's Day in Vietnam? When's Teacher's Day in Vietnam?

Oh, it's on November 20th.

Tạm dịch:

1. Alice thích môn học nào?

Chào Alice. Bạn thích môn học nào?

Tôi thích khoa học. Nó rất thú vị.

Ồ, tôi cũng thích khoa học. Tôi thường làm thí nghiệm trong lớp khoa học.

Tôi cũng vậy. Tôi thích làm thí nghiệm.

2. Tom làm gì trong giờ thể dục? lớp học?

Chào Tom. Chúng tôi đang nói về chủ đề yêu thích của chúng tôi.

Chào Sue. Điều đó nghe có vẻ thú vị.

Bạn thích môn học nào?

Tôi thích P.E.

Ồ, bạn làm gì ở P.E. cả lớp hả Tom?

Chúng tôi thường chơi bóng rổ. Chúng tôi không bao giờ chơi cầu lông ở P.E. lớp học.

3. Kỳ nghỉ yêu thích của Kim là gì?

Hôm nay là ngày Halloween. Bạn có thích nó không, Kim?

Ồ, không, Nick. Tôi không thích ngày Halloween.

Kỳ nghỉ yêu thích của bạn là gì?

Hôm nay là Giáng sinh vì hôm đó tôi nhận được rất nhiều quà.

4. Kỳ nghỉ yêu thích của Mai là khi nào?

Chào Mai. Kỳ nghỉ yêu thích của bạn là gì?

Ồ, hôm nay là Ngày Nhà giáo. Chúng tôi thường tặng quà cho thầy cô vào ngày hôm đó.

Ngày Nhà giáo ở Việt Nam là ngày nào? Ngày Nhà giáo ở Việt Nam là ngày nào?

À, đó là ngày 20 tháng 11.

III. Choose the correct answer.

1. Với những mốc thời gian có ngày ta dùng kèm “on”.

=> **Chọn C**

A: When's Lunar New Year? - B: It's **on** January 29th.

(Tết Nguyên Đán rơi vào khi nào? – Ngày 29 tháng 1.)

2. make a cake (v phr.): làm bánh

=> **Chọn B**

A: Could you **make** a cake? - B: Yes, sure.

(Bạn làm bánh được không? – Được chứ.)

3. Hỏi về giờ giấc, ta dùng “What time”.

=> **Chọn A**

A: What **time** does your math class start?

B: My math class starts at 9 a.m.

(Lớp toán của bạn bắt đầu lúc mấy giờ?)

Lớp toán của tôi bắt đầu lúc 9h sáng.)

4. Trong câu hỏi với động từ thường, cần dùng trợ động từ. Chủ ngữ “she” trong câu này đi kèm với trợ động từ “does”.

=> **Chọn A**

Which subject **does** she like?

(Cô ấy thích môn học nào?)

5. Trong câu hỏi với động từ thường, cần dùng trợ động từ. Chủ ngữ “you” trong câu này đi kèm với trợ động từ “do”.

=> **Chọn A**

A: What do you often **do** in history class?

B: I learn about the past.

(Bạn thường làm gì trong tiết lịch sử?)

Tôi học về quá khứ.)

IV. Read and compete. Use the given words.



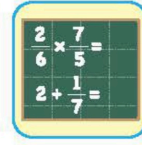
science

using
computers

teacher

doing
experiments

usually



math

This is our class. Today, we have (0) **science**. This is Tom's favorite class. He really likes (1) _____ and learning about animals. It is so much fun. He (2) _____ does experiments in this class. Nick loves this subject, too. I don't really like science. I love (3) _____. To me, math is so interesting. I always solve difficult problems in math class. My (4) _____ often says that I should practice more to be better at math. I like (5) _____ to solve many math problems on the Internet.

Đoạn văn hoàn chỉnh:

This is our class. Today, we have science. This is Tom's favorite class. He really likes doing experiments and learning about animals. It is so much fun. He usually does experiments in this class. Nick loves this subject, too. I don't really like science. I love math. To me, math is so interesting. I always solve difficult problems in math class. My teacher often says that I should practice more to be better at math. I like using computer to solve many math problems on the Internet.

Tạm dịch:

Đây là lớp học của chúng tôi. Hôm nay, chúng tôi có khoa học. Đây là lớp học yêu thích của Tom. Cậu ấy thực sự thích làm thí nghiệm và tìm hiểu về động vật. Nó rất vui. Cậu ấy thường làm thí nghiệm trong lớp này. Nick cũng thích môn học này. Tôi thì không thích khoa học cho lắm. Tôi yêu môn toán. Đối với tôi, toán học rất thú vị. Tôi luôn giải được những bài toán khó trong giờ môn toán. Giáo viên của tôi thường nói rằng tôi nên luyện tập nhiều để giỏi toán hơn. Tôi thích dùng máy tính để giải nhiều bài toán trên Internet.

V. Recorrect the given words to make correct sentences.

1. put/ Could/ up/ paper?/ you/ colored

Could you put up colored paper?

(Bạn treo giấy màu lên được không?)

2. favorite/ My/ holiday/ Children's Day./ is

My favorite holiday is Children's Day.

(Ngày lễ yêu thích của tôi là Tết Thiếu Nhi.)

3. People/ give/ at/ always/ money/ lucky/ Tet./ kids

People always give kids lucky money at Tet.

(Mọi người cho trẻ em tiền mừng tuổi vào dịp Tết.)

4. you/ like/ Why/ do/ Geography?

Why do you like Geography?

(Tại sao bạn thích môn Địa lí?)

5. class/ at/ Mike's/ starts/ art/ 9 o'clock.

Mike's art class starts at 9 o'clock.

(Lớp mỹ thuật của Mike bắt đầu lúc 9 giờ.)